



CK.0000054635

HỌC KINH TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ
TIỂU BAN TRIẾT HỌC

TS. Bùi Văn Mưa (Chủ biên)

TS. Trần Nguyên Ký - PGS TS. Lê Thanh Sinh

TS. Nguyễn Ngọc Thu - TS. Bùi Bá Linh - TS. Bùi Xuân Thanh

TRIẾT HỌC

PHẦN I

ĐẠI CƯƠNG VỀ LỊCH SỬ TRIẾT HỌC

UYÊN
LIỆU

Tài liệu dùng cho học viên cao học & nghiên cứu sinh
không thuộc chuyên ngành triết học

LƯU HÀNH NỘI BỘ

LỜI NÓI ĐẦU

Nhằm tạo thuận lợi cho học viên cao học và nghiên cứu sinh, đồng thời giúp giảng viên của trường Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh thống nhất nội dung trong việc giảng dạy và đánh giá kết quả môn Triết học (sau đại học), Tiểu ban Triết học, thuộc Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Kinh tế TP HCM đã tổ chức biên soạn Tài liệu *Triết học (Phần I & II) dùng cho học viên cao học và nghiên cứu sinh không thuộc chuyên ngành triết học*.

Để biên soạn Tài liệu này chúng tôi đã dựa vào: 1) *Các giáo trình*: Hội đồng trung ương Chỉ đạo Biên soạn giáo trình quốc gia..., *Giáo trình Triết học Mác – Lênin*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1999; Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Triết học (dùng cho học viên cao học và nghiên cứu sinh không thuộc chuyên ngành triết học)*, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội, 2006; Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Triết học Mác – Lênin (dùng trong các trường đại học và cao đẳng)*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006; 2) *Các tác phẩm kinh điển chủ nghĩa Mác - Lênin*: Mác và Ph.Ăngghen, *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội; V.I. Lênin, *Toàn tập*, NXB Tiến bộ, Mátxcơva; 3) *Các Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc* lần thứ VIII, IX, X của Đảng Cộng sản Việt Nam, NXB Sự thật, Hà Nội..

Tài liệu này có hai phần gồm 11 chương; tham gia biên soạn gồm có TS Bùi Văn Mưa (chủ biên); PGS.TS Lê Thanh Sinh; TS Trần Nguyên Ký; TS Nguyễn Ngọc Thu; TS Bùi Xuân Thanh; TS Bùi Bá Linh.

Mặc dù tập thể tác giả rất cố gắng, song tài liệu này chắc không tránh khỏi những hạn chế, Tiểu ban Triết học rất mong nhận được những ý kiến đóng góp chân thành, sâu sắc của các đồng nghiệp, các học viên và nghiên cứu sinh... để kịp thời sửa chữa, bổ sung trong lần tái bản. Thư từ, ý kiến trao đổi, xin vui lòng liên hệ địa chỉ: *Văn phòng Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 279 Nguyễn Tri Phương, Quận 10, TP HCM; ☎: (08)38.575.466.*

Xin chân thành cảm ơn!

TP Hồ Chí Minh, ngày 1 tháng 10 năm 2010

Tiểu ban Triết học

MỤC LỤC

Phần I: ĐẠI CƯƠNG VỀ LỊCH SỬ TRIẾT HỌC

Chương 1: Khái lược về triết học và lịch sử triết học.....	5
I. Khái lược về triết học	5
II. Khái lược về lịch sử triết học.....	20
Chương 2: Khái lược về lịch sử triết học phương Đông	25
I. Triết học Ấn Độ cổ – trung đại.....	25
II. Triết học Trung Quốc cổ – trung đại	43
III. Các trường phái triết học	47
IV. Lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam.....	74
Chương 3: Khái lược về lịch sử triết học phương Tây	89
I. Triết học Hy Lạp cổ đại	89
II. Triết học phương Tây trung đại.....	116
III. Triết học phương Tây thời Phục hưng – Cận đại	122
IV. Một số trào lưu triết học phương Tây hiện đại.....	215
Chương 4: Khái lược về lịch sử triết học Mác - Lênin	237
I. Điều kiện, tiền đề ra đời của triết học Mác.....	237
II. Những giai đoạn chủ yếu trong sự ra đời và phát triển của triết học Mác - Lênin	241

Chương I

KHÁI LƯỢC VỀ TRIẾT HỌC VÀ LỊCH SỬ TRIẾT HỌC

I. KHÁI LƯỢC VỀ TRIẾT HỌC

1. Triết học là gì? Đối tượng nghiên cứu của nó

▪ Vào khoảng thế kỷ VIII - VI TCN, các nước Trung Quốc, Ấn Độ và Hy Lạp cổ đại đã trở thành các quốc gia chiếm hữu nô lệ có đời sống kinh tế - xã hội, văn hóa - tinh thần phát triển khá cao. *Một mặt*, sự phân công lao động xã hội và hoàn thiện công cụ sản xuất bằng kim loại đã làm gia tăng sản phẩm thặng dư, kéo theo sự phân hóa mạnh mẽ xã hội ra thành các giai cấp, đẳng cấp, các tầng lớp, các loại hình lao động và sự xung đột quyết liệt giữa chúng Trên lĩnh vực chính trị - tư tưởng, cuộc đấu tranh nhằm bảo vệ lợi ích của các giai cấp, đẳng cấp, các tầng lớp này ngày càng khốc liệt hơn. Trong tình hình đó đã xuất hiện và phát triển nhanh tầng lớp trí thức cùng với việc đề cao lao động trí óc và nhu cầu cần quản lý xã hội bằng tư tưởng. *Mặt khác*, lúc bấy giờ ngôn ngữ viết cũng đã xuất hiện, nó không chỉ giúp củng cố và phát triển đời sống văn hóa tinh thần, tạo cơ sở cho sự phát triển tư duy lý luận (mang tính trừu tượng, khái quát, hệ thống,...). Các hệ thống lý luận xuất hiện, triết học đã ra đời và tồn tại cho đến tận ngày nay...

▪ Sau hơn 2500 năm tồn tại và phát triển của triết học, khái niệm triết học được hiểu không như nhau, đối tượng nghiên cứu của nó cũng thay đổi khác nhau theo từng giai đoạn lịch sử. Bên cạnh những cách hiểu mang tính truyền thống khá giống nhau còn có những cách hiểu phi truyền thống rất khác nhau, thậm chí đối lập nhau.

- *Thời cổ đại*, lao động trí óc vừa mới tách ra khỏi lao động chân tay, tầng lớp trí thức vừa mới hình thành, tri thức của loài người còn rất ít ỏi và khá đơn giản, bản thân các ngành khoa học chưa tồn tại độc lập nhau, chúng thống nhất với nhau nhờ vào triết học và trong triết học. Ở Trung Hoa, triết học gắn liền với các vấn đề chính trị - xã hội; ở Ấn Độ, triết học gắn liền với các vấn đề tôn giáo; ở Hy Lạp, triết học gắn liền với khoa học tự nhiên và được gọi là triết học tự nhiên. Nói chung, lúc bấy giờ đối tượng nghiên cứu của triết học là tri thức nói chung, tri thức thuộc nhiều/mọi lĩnh vực¹. Triết học đã đạt được nhiều thành tựu rực rỡ; nó không chỉ gắn liền với sự hình thành và phát triển tư duy lý luận nói chung mà còn đặt nền móng cho sự phát triển về sau cho chính mình và cho các ngành khoa học (cả tự nhiên lẫn xã hội). Từ đây, hình thành cách hiểu mang tính truyền thống về triết học. Người Trung Quốc coi *triết học* là sự truy tìm bản chất, là sự thấu hiểu căn nguyên của sự vật, sự việc; người Ấn Độ coi *triết học* là con đường suy ngẫm dẫn dắt đến lẽ phải, đến những chân lý siêu nhiên (*darshana*); còn người Hy Lạp coi *triết học* là sự ham hiểu biết, yêu thích sự thông thái (*philosophia*), do đó nhà triết học được gọi là nhà thông thái, - người có khả năng nhận thức được chân lý, làm sáng tỏ được bản chất của vạn vật... Như vậy, quan niệm truyền thống, dù ở phương Đông hay phương Tây, đều coi triết học là đỉnh cao của lý trí, là sử dụng lý trí để thấu hiểu thế giới, để nắm được bản chất của vạn vật, khám phá chân lý. Nói cách khác, triết học được coi như một phương thức hoạt động của lý trí (tư duy lý luận) đào sâu, mở rộng chính nó².

- *Thời trung cổ*, ở Tây Âu, dưới sự thống trị của Giáo hội Thiên chúa giáo, triết học buộc phải trở thành một bộ môn của thần học. Nhiệm vụ của triết học khi đó là lý giải và chứng minh tính “đúng

¹ Ở Hy Lạp, triết học được coi như “người mẹ” của các ngành khoa học.

² Sở dĩ con người phải khai thác và sử dụng hiệu quả lý trí là vì nó là một trong những cội nguồn của sức mạnh tinh thần.

đẫn” của các nội dung trong Kinh thánh, củng cố niềm tin tôn giáo, hướng con người đến với Thượng đế... Đó là những thứ triết lý của các cha cố, là triết học kinh viện phục vụ cho thần học của Nhà thờ, hạ thấp lý trí để nâng cao lòng tin, thủ tiêu khoa học, mà trước hết là khoa học tự nhiên, để rộng đường phát triển thần học.

- *Thời Phục hưng – cận đại*, trong lòng xã hội phong kiến ở các nước Tây Âu sớm hình thành và phát triển mạnh mẽ phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa cùng với sự hồi sinh nhanh chóng và sự phát triển rực rỡ của khoa học tự nhiên.

+ Vào thời Phục hưng, nhu cầu phát triển của phương thức sản xuất tư bản và khoa học tự nhiên lúc bấy giờ đặt ra nhiều vấn đề đòi hỏi triết học phải giải đáp. Do đáp ứng được nhu cầu của thời đại nên chủ nghĩa duy vật sớm hồi phục và nhanh chóng phát triển. Quan niệm coi triết học như “Người mẹ” của các ngành khoa học xuất hiện vào thời cổ đại, bị quên lãng vào thời trung cổ, bây giờ được khôi phục lại.

+ Sang đầu thời cận đại, quan niệm coi triết học như “Người mẹ” của các ngành khoa học đã phát triển thành quan niệm coi triết học là “khoa học của các khoa học”. Vào thời này, triết học phát triển nhanh, đồng thời góp phần thúc đẩy các ngành khoa học tự nhiên phát triển mạnh mẽ; lý trí triết học và hiểu biết khoa học vượt lên trên lý lẽ thần học và niềm tin tôn giáo. Vào cuối thời cận đại, khi các nước Anh, Pháp đã xây dựng vững chắc chủ nghĩa tư bản, thì nước Đức vẫn còn là một nước phong kiến; giai cấp tư sản Đức đang hình thành. Do sự ảnh hưởng về nhiều mặt (kinh tế, chính trị, xã hội, khoa học, văn hóa, tư tưởng) của các nước Anh, Pháp... từ bên ngoài và yêu cầu của giai cấp tư sản Đức từ bên trong mà triết học cổ điển Đức đã hình thành và phát triển mạnh mẽ trên lập trường duy tâm. Đỉnh cao của triết học cổ điển Đức là triết học Hêghen. Hêghen xem triết học của mình là “khoa học của các khoa

học”. Đây là hệ thống triết học - “khoa học của các khoa học” đồ sộ nhất và cuối cùng trong lịch sử.

+ Cuối thời cận đại, các cuộc cách mạng tư sản đã nổ ra và thắng lợi ở các nước Tây Âu tạo tiền đề và cơ sở hiện thực cho khoa học tự nhiên đạt được nhiều thành tựu nổi bật và phân ra thành các ngành độc lập nhau; chúng (mà trước hết là cơ học) lần lượt tách ra khỏi triết học tự nhiên. Triết học (triết học tự nhiên) “mất” đối tượng, khủng hoảng về nội dung. Quan niệm coi triết học là “khoa học của các khoa học” trở nên lỗi thời, thậm chí lỗi bịch; nó bắt đầu ngăn cản sự phát triển của các ngành khoa học tự nhiên. Chủ nghĩa thực chứng xuất hiện kịp thời để hướng dẫn các ngành khoa học phát triển. Chủ nghĩa thực chứng cố gắng chứng minh mình là triết học của khoa học, đồng thời đối lập mình với triết học truyền thống, tức triết học là “khoa học của các khoa học” hay siêu hình học. Chủ nghĩa thực chứng cho rằng triết học thật sự không giải quyết vấn đề quan hệ giữa vật chất và ý thức, không tìm hiểu thế giới để xây dựng thế giới quan mà nó phải giải quyết các vấn đề khả năng, hình thức, cách thức tăng trưởng tri thức của khoa học để thúc đẩy sự phát triển khoa học và xã hội..

- Sang đầu *thời hiện đại*, trước yêu cầu của cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản và sự phát triển của khoa học tự nhiên, triết học mácxít đã ra đời. Triết học mácxít đã đoạn tuyệt với quan niệm coi triết học là “khoa học các của khoa học” nhưng cũng không chấp nhận quan niệm của chủ nghĩa thực chứng về đối tượng, nội dung và vai trò của triết học. Triết học mácxít xác định đối tượng nghiên cứu của mình là tiếp tục giải quyết vấn đề về mối quan hệ giữa vật chất và ý thức trên lập trường duy vật và quan điểm thực tiễn; nghiên cứu những quy luật chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy; từ đó định hướng cho hoạt động nhận thức và thực tiễn của con người nhằm cải tạo tự nhiên - xã hội, phục vụ lợi ích cho con người.

- Ngày nay, ở các nước tư bản hiện đại nói riêng, trên toàn hành tinh của chúng ta nói chung, bên cạnh những thành tựu to lớn do các cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật trước đây (hiện nay là cách mạng khoa học - công nghệ) mang lại là những hậu quả nghiêm trọng về nhiều mặt: đạo đức, xã hội, môi trường,... do chúng gây ra. Nhân loại đang đứng trước nhiều vấn đề to lớn đòi hỏi phải giải quyết. Do vậy đã xuất hiện nhiều trào lưu triết học khác nhau hướng đến giải quyết các vấn đề không giống nhau; chúng tạo nên dòng thác tư tưởng “triết học phương Tây hiện đại ngoài mácxít”. Dù dòng triết học này rất đa dạng nhưng chúng ta dễ nhận thấy trong nó có những trào lưu lớn như: triết học duy khoa học, triết học nhân bản phi lý tính, triết học tôn giáo, v.v.. Các trào lưu triết học phương Tây hiện đại phân tích những đối tượng khác nhau, với những mục đích không như nhau, và thể hiện lập trường không giống nhau.

▪ Tóm lại, trong các thời đại lịch sử khác nhau nổi lên các vấn đề thời đại khác nhau và chúng được giải quyết bởi các giai cấp, tầng lớp không như nhau, do vậy đã kiến tạo nên đối tượng nghiên cứu của triết học khác nhau. Điều này đã hình thành các quan niệm khác nhau về triết học. Tuy nhiên, trong các quan điểm khác nhau đó vẫn có những điểm chung. Đó là, tất cả các hệ thống triết học đều là hệ thống tri thức có tính trừu tượng và khái quát cao, xem xét thế giới trong tính chỉnh thể của nó, cố tìm ra nền tảng, bản chất (quy luật) chung chi phối vạn vật trong thế giới như một chỉnh thể. Từ điểm chung này chúng ta có thể coi triết học là *một hệ thống tri thức lý luận chung nhất của con người về thế giới, về bản thân con người và về vị trí, vai trò của con người trong thế giới đó*. Triết học là một hình thái ý thức xã hội đặc biệt, là thái độ chung của con người (giai cấp, tầng lớp) đối với hiện thực, là học thuyết tổng quát về thế giới trong tính chỉnh thể của nó (tự nhiên, xã hội và tư duy).

- Là một hình thái ý thức xã hội đặc biệt, triết học phải phản ánh tồn tại xã hội (hiện thực, cuộc sống, thời đại), nhưng cách phản ánh của nó khác cách phản ánh của các hình thái ý thức xã hội khác như tôn giáo, nghệ thuật, đạo đức,... ở chỗ nó phản ánh tồn tại xã hội bằng một hệ thống phạm trù (trừu tượng, khái quát), mang tính đảng (trên nền tảng duy vật hay duy tâm, dựa trên lợi ích của giai cấp, tầng lớp này hay giai cấp, tầng lớp nọ).

- Là thái độ chung của con người (giai cấp, tầng lớp) đối với hiện thực, triết học vạch ra cho các giai cấp, tầng lớp, mà nó đại diện về tư tưởng, thấu hiểu được lợi ích, vai trò, sứ mạng lịch sử của mình để trở thành chính mình và hành động vì mình trong xã hội vô cùng phức tạp.

- Là học thuyết về thế giới chỉnh thể, triết học phải dựa trên lý trí (tư duy lý luận trừu tượng, khái quát, hệ thống) để đào sâu và mở rộng lý trí nhằm mang lại những tri thức đặc biệt, khác với tri thức do các ngành khoa học¹, do các hình thái ý thức xã hội khác mang lại ở tính phổ quát, tất yếu (lôgích) của nó, ở tính phản ánh thế giới trong tính chỉnh thể thống nhất của nó.

▪ Triết học là một hệ thống tư tưởng kết hợp trong mình những giá trị chung với những tri thức tổng quát, do các nhà tư tưởng của các giai cấp, tầng lớp trong xã hội xây dựng nên, để giải quyết những vấn đề trọng đại do lịch sử nhân loại đặt ra dựa trên lợi ích của giai cấp, tầng lớp mình. Do vậy mà các hệ thống triết học từ cổ đại đến nay đều mang tính đảng. Trước khi giải quyết các vấn đề do thời đại đặt ra, các nhà triết học phải giải quyết vấn đề cơ bản của triết học; cách giải quyết vấn đề cơ bản của triết học sẽ ảnh hưởng đến cách giải quyết của các vấn đề còn lại.

¹ Các khoa học cụ thể nghiên cứu những lĩnh vực/mặt riêng lẻ của thế giới hiện thực như: toán học nghiên cứu mối quan hệ về số lượng và cấu trúc không gian; vật lý học nghiên cứu các quá trình vật lý (nhiệt, điện, từ, ánh sáng...); sinh học nghiên cứu các quá trình sống xảy ra trong sinh thể,...

2. Vấn đề cơ bản của triết học – chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm

a) Thực chất và nội dung vấn đề cơ bản của triết học

▪ Bằng tư duy lý luận, các nhà triết học đi đến nhận định khái quát là: Tất cả sự vật, hiện tượng xảy ra trong thế giới chung quy lại có hai loại: Các sự vật, hiện tượng vật chất và các sự vật, hiện tượng tinh thần; ngoài ra không có bất kỳ sự vật, hiện tượng nào nằm ngoài hai loại sự vật, hiện tượng đó. Do vậy, trong triết học xuất hiện hai phạm trù *vật chất* và *ý thức* dùng để chỉ hai loại sự vật, hiện tượng trên. Do đó, *vấn đề cơ bản của triết học là vấn đề về mối quan hệ giữa vật chất và ý thức*¹.

▪ Vấn đề cơ bản của triết học có hai mặt: Mặt thứ nhất (bản thể luận) đòi hỏi trả lời cho câu hỏi: *Vật chất hay ý thức* (giới tự nhiên hay tinh thần,...) *cái nào có trước, cái nào quyết định cái nào?* Mặt thứ hai (nhận thức luận) đòi hỏi trả lời cho câu hỏi: *Con người có khả năng nhận thức thế giới được hay không?*

b) Cách giải quyết mặt thứ nhất của vấn đề cơ bản của triết học

▪ Cách giải quyết thứ nhất thừa nhận chỉ có một yếu tố có trước và mang tính quyết định đưa đến sự xuất hiện *chủ nghĩa nhất nguyên*. Chủ nghĩa nhất nguyên có hai loại đối lập nhau là chủ nghĩa (nhất nguyên) duy vật và chủ nghĩa (nhất nguyên) duy tâm.

- *Chủ nghĩa duy vật* khẳng định vật chất có trước và giữ vai trò quyết định đối với ý thức, thế giới vật chất tồn tại một cách khách quan độc lập với ý thức con người và không có ai sáng tạo ra; còn ý thức là phản ánh thế giới khách quan vào bộ óc con người; không thể có tinh thần, ý thức nếu không có vật chất. Chủ nghĩa duy vật đã tồn tại dưới ba hình thức cơ bản là chủ nghĩa duy

¹ hay quan hệ giữa tồn tại và tư duy, giữa tự nhiên và tinh thần, giữa hình và thần, giữa khí và lý, giữa vật và tâm, giữa thiên – địa - nhân.